

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T T  
TỈNH T H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/11/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T TỈNH T H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hòa

Bà Nguyễn Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện T T, tỉnh T H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T, tỉnh T H tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Nguyệt– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T T, tỉnh T H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021 ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trương Thị D; Sinh năm: 1980  
Địa chỉ: Thôn Y P, xã T B, huyện T T, tỉnh T H.

**- Bị đơn:** Anh Bùi Văn B; Sinh năm: 1986  
Địa chỉ: Thôn T S, xã T L, huyện T T, tỉnh T H. Tại phiên tòa chị D, anh B vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

**NỘI D VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/07/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2019 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T L huyện T T, tỉnh T H. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không hòa giải được. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, anh B nhiều lần đánh đập chị, tình trạng hôn nhân kéo dài chị cảm thấy mệt mỏi. Gia đình đã khuyên giải nhưng anh B không thay đổi, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở lâu nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T T giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2019 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T L huyện T T, tỉnh T H. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không hòa giải được. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, tình trạng hôn nhân kéo dài chị cảm thấy mệt mỏi. Gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị D có đơn xin ly hôn xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã triệu tập nhiều lần anh B lên tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh B được biết. Ngày 18/10/2021 anh B có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa anh B và chị D đều không có ý kiến nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội D: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị D và anh Bùi Văn B được ly hôn; Về con chung: anh chị chưa có con chung nên miễn xét; về tài sản, công nợ chung anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Bùi Văn B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn 22/10/2019 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T L huyện T T, tỉnh T H và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Việc này, cả chị D và anh B đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội D mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Tại bản tự khai cả chị D và anh B đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trương Thị D và anh Bùi Văn B được ly hôn.

[3]. Về con chung: Anh B, chị D không có con chung nên không xem xét.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị D, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, 228 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Bùi Văn B

2. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị D đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự T T, theo B lai số: AA/2018/0003212, ngày 20/07/2021. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trương Thị D và anh Bùi Văn B. Chị D, anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T T;
- UBND xã T L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Quân**